

Số: 4896/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh phụ lục kèm theo Quyết định số 741/QĐ-UBND
ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt danh sách chủ tàu cá đủ điều kiện đóng mới tàu cá khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 74/TTr-SNN&PTNT ngày 29/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phụ lục kèm theo Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa theo phụ lục kèm theo.

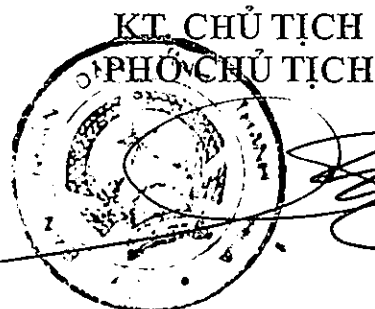
Điều 2. Các nội dung khác của Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên không thay đổi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo 67 tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện Tĩnh Gia; Chi cục trưởng Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Giám đốc các Chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông có tên tại phụ lục chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN. (A158)



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục:

ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG PHỤ LỤC QUYẾT ĐỊNH SỐ 741/QĐ-UBND NGÀY 10/3/2017 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định Số 896/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nội dung về tàu đóng mới được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 10/3/2017				Nội dung về tàu đóng mới đề nghị thay đổi				Ghi chú
			Vật liệu vỏ	Công suất dự kiến (CV)	Nghề hoạt động	Kinh phí dự kiến (Tr. đồng)	Vật liệu vỏ	Công suất dự kiến	Nghề hoạt động	Kinh phí dự kiến (Tr. đồng)	
1	Phạm Văn Trường	Hải Bình - Tỉnh Gia	Gỗ	829	Dịch vụ hậu cần	13.870	Gỗ	822	Dịch vụ hậu cần	10.699	chuyển từ máy yanmar sang máy Mitsubishi
2	Trần Văn Quang	Hải Bình - Tỉnh Gia	Gỗ	829	Dịch vụ hậu cần	13.870	Gỗ	822	Dịch vụ hậu cần	10.699	chuyển từ máy yanmar sang máy Mitsubishi
3	Nguyễn Văn Lệ	Hải Bình - Tỉnh Gia	Gỗ	829	Dịch vụ hậu cần	13.870	Gỗ	822	Dịch vụ hậu cần	10.699	chuyển từ máy yanmar sang máy Mitsubishi